

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUAN HỆ ĐẤT ĐAI Ở KHU VỰC TÂY NGUYÊN TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

*Phạm Hữu Nghị**

1. Chính sách xây dựng và phát triển các nông trường, lâm trường

Sau giải phóng miền Nam năm 1975, chính quyền các cấp đã tập trung vào việc ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Khi tình hình đã tương đối ổn định, Nhà nước ta chuyển sự quan tâm sang khai thác tiềm năng kinh tế to lớn của Tây Nguyên. Cả một khu vực thiên nhiên vốn còn hoang dã, đất rộng người thưa rùng rùng chuyển động với việc thành lập hàng loạt các binh đoàn quân đội làm kinh tế như các binh đoàn 331, 332, 333 và nhiều đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn khác. Các đơn vị quân đội này được sử dụng làm nòng cốt để xây dựng các nông trường, lâm trường. Sau này, với tư tưởng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa các nông trường, lâm trường được chuyển thành các liên hiệp xí nghiệp nông - lâm - công nghiệp. Và giai đoạn sau đó, các liên hiệp xí nghiệp nông - lâm - công nghiệp lại đổi thành các nông trường, lâm trường.

Các nông trường, lâm trường bao chiếm một diện tích đất rất lớn, trong đó có phần đất trước đây thuộc đất hưu canh (đất nương rẫy luân khoảnh)¹ của đồng bào dân tộc tại chỗ. Chính quyền đã coi đất hưu canh của đồng bào các dân tộc tại chỗ như là đất hoang nên đã cho phép các nông trường, lâm trường có quyền quản lý và sử dụng.

Với chính sách xây dựng và phát triển các nông, lâm trường, trong quan hệ đất đai

ở Tây Nguyên đã có sự biến đổi rất to lớn: Đất đai trước đây chủ yếu thuộc quyền sở hữu của đồng bào dân tộc tại chỗ nay chuyển sang thuộc sở hữu của các nông trường, lâm trường quốc doanh - tức thuộc sở hữu nhà nước. Sự thay đổi này thông qua việc ban hành các văn bản dưới luật - các quyết định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh về thành lập các lâm trường, nông trường.

2. Chính sách phân bố lại dân cư/lao động trên địa bàn

Cùng với việc thực hiện chính sách xây dựng và phát triển nông trường, lâm trường, Nhà nước ta đề ra chủ trương phân bố dân cư/lao động trên địa bàn cả nước, trong đó có phương án di dân có tổ chức lên vùng đất Tây Nguyên. Hàng loạt các khu kinh tế mới được thành lập. Để xây dựng và phát triển các khu kinh tế mới, nhân dân từ các tỉnh, thành phố miền Bắc và miền Duyên Hải Trung Bộ được huy động đến với Tây Nguyên. Các khu đất rừng mà các nông trường, lâm trường chưa bao chiếm hết thì nay các khu kinh tế mới với lực lượng dân cư ở nơi khác đến được giao quản lý và sử dụng. Đối với Nhà nước, đây là giải pháp nhằm giải toả sức ép về dân số đang ngày càng gia tăng ở miền Bắc và miền Trung. Đồng thời, đây cũng là giải pháp tích cực mở mang, khai thác vùng đất này nhằm dần dần biến Tây Nguyên thành một vùng kinh tế chiến lược của cả nước.

Hệ quả của chính sách phân bố lại dân cư/lao động đối với vùng đất Tây Nguyên có những chủ sử dụng đất mới. Ngoài các dân tộc tại chỗ và một số ít đồng bào Kinh đến sinh sống từ trước, ngoài lực lượng quân đội, công nhân các nông trường, lâm trường nay bổ sung một lực lượng đông đảo là các hộ gia đình từ miền Bắc và miền Trung di cư tới.

* PGS. TS. Viện Nhà nước và Pháp luật.

¹ Đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên không có tập quán "du canh, du cư" như quan niệm của một số người mà có tập quán định cư, luân canh (luân khoảnh, tức là canh tác một thời gian đồng bào chuyển sang canh tác mảnh đất khác để mảnh đất này khôi phục được độ màu mỡ, sau đó lại trở về canh tác).

3. Chính sách xây dựng và phát triển các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp

Vào cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ trước, Nhà nước ta đã tiến hành cuộc vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên vào làm ăn tập thể, lúc đầu là các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, sau là các hợp tác xã nông nghiệp. Đây là cuộc vận động kiên trì, bền bỉ thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng và Nhà nước về con đường làm ăn tập thể từ phía các tổ chức hợp thành hệ thống chính trị ở các địa phương.

Tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng bào dân tộc tại chỗ cũng như đồng bào di cư đã đem đất ruộng, đất nương rẫy góp vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã. Những mảnh đất thuộc sở hữu của các cộng đồng dân tộc ít người, thuộc sở hữu của các hộ gia đình thông qua tập thể hoá đã trở thành sở hữu tập thể - sở hữu của hợp tác xã. Vào hợp tác xã, đồng bào đi làm tập thể theo hiệu lệnh - tiếng kèn, được chấm công bằng điểm và được chia lúa, chia bắp theo số điểm mà họ kiếm được. Đây là cách làm ăn rất xa lạ với đồng bào dân tộc tại chỗ.

Sau sự kiện đất hươu canh (đất nương rẫy luân khoảnh) trở thành đất của nông trường, lâm trường, đến lượt đất nương rẫy xung quanh các buôn làng trở thành đất của hợp tác xã. Đây là sự biến đổi lớn thứ hai trong quan hệ đất đai ở Tây Nguyên từ sau ngày giải phóng. Đất rừng từ chỗ là những gì thân thương gắn bó máu thịt với đồng bào đã trở thành "tài sản" của người khác, của lực lượng khác không có trước đây như nông trường, lâm trường và hợp tác xã nông nghiệp.

4. Sự kiện Hiến pháp năm 1980 tuyên bố: Toàn bộ đất đai ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc sở hữu toàn dân

Ngày 18/12/1980 Quốc hội thông qua Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp năm 1959. Điều 17 Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1980 trình trọng tuyên bố: Đất đai

thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Với tuyên bố này, toàn bộ diện tích đất của quốc gia Việt Nam đều chỉ thuộc một hình thức sở hữu dù trước đó có nhiều hình thức sở hữu đất đai. Ở Tây Nguyên, khi đó ngoài sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể còn có sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu của các hộ gia đình, sở hữu của cá nhân và sở hữu của các cơ sở tôn giáo.

Việc tuyên bố đất đai thuộc sở hữu toàn dân được dựa trên lập luận: Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không gì thay thế được, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở của các ngành kinh tế quốc dân. Đất nước ta có được vốn đất quý báu như ngày nay là do trải qua nhiều thế hệ nhân dân ta tốn bao công sức và xương máu mới khai thác, bồi đắp, cải tạo và bảo vệ được... Việc khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân là để bảo đảm chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, bảo đảm định hướng lên chủ nghĩa xã hội. Đất đai là kết quả của một quá trình chế ngự thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm của cả dân tộc chứ không của riêng ai. Tách khỏi những điều kiện của Nhà nước, của cộng đồng, không một cá nhân nào có thể khai phá và giữ gìn bất cứ mảnh đất nào để rồi sau đó nói nó là của mình.

Sau này Hiến pháp năm 1992², Luật Đất đai năm 1987³, Luật Đất đai năm 1993⁴ và Luật Đất đai năm 2003⁵ đều khẳng định lại nguyên tắc: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân⁶.

Việc tuyên bố đất đai thuộc sở hữu toàn dân kéo theo nhiều hệ quả. Nhà nước đã biến đất đai vốn thuộc nhiều hình thức sở hữu thành một hình thức sở hữu. Nhà nước đã

² Hiến pháp năm 1992 được Quốc hội thông qua ngày 15/4/1992.

³ Được Quốc hội thông qua ngày 29/12/1987, có hiệu lực từ ngày 08/01/1988.

⁴ Được Quốc hội thông qua ngày 14/7/1993, có hiệu lực từ ngày 15/10/1993.

⁵ Được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004.

⁶ Riêng Bộ luật Dân sự ngày 14/6/2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006) tại Điều 200 quy định đất đai thuộc sở hữu nhà nước.

biển đất thuộc sở hữu cá nhân, sở hữu tư nhân thành sở hữu toàn dân - thực chất là sở hữu nhà nước mà không có sự đền bù dù là tương trưng. Nhà nước cũng không có những hình thức pháp lý cần thiết ghi nhận sự chuyển sở hữu này.

Đối với khu vực Tây Nguyên, từ đây những hành vi xâm chiếm đất rừng của đồng bào di cư tự do không bị coi là xâm phạm sở hữu của một chủ sở hữu cụ thể như cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình và cá nhân nữa. Họ xâm chiếm đất rừng thuộc sở hữu toàn dân, của toàn dân, trong đó có họ. Đồng bào dân tộc tại chỗ hầu như không có quyền cản trở việc xâm chiếm vì đất rừng đâu còn thuộc sở hữu của họ nữa. Đây là một trong những nguyên nhân rừng bị tàn phá không thương tiếc ở Tây Nguyên.

5. Chính sách “khoán 10” và Luật Đất đai năm 1987

Sau một số năm đồng bào các dân tộc vào làm ăn tập thể không có hiệu quả, theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị⁷, đất thuộc các hợp tác xã được chia lại cho hộ gia đình nông dân. Do quá trình quản lý và sử dụng đất của các hợp tác xã có nhiều xáo trộn, các hộ gia đình cũng có biến động về nhân khẩu nên những hộ gia đình đã góp đất vào hợp tác xã không thể lấy lại các mảnh đất trước đây. Có hộ được hưởng ít hơn, có hộ được chia nhiều hơn so với trước. Vào hợp tác xã, rồi lại ra khỏi hợp tác xã, các quan hệ đất đai lại một lần nữa có sự biến động lớn.

Năm 1987, Quốc hội thông qua Luật Đất đai. Đạo luật này ghi nhận và thể chế hoá các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đất đai, trong đó chủ yếu là các quan điểm, chủ trương được đề ra trong Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. Luật Đất đai năm 1993 và Bộ luật Dân sự năm 1995⁸

Ngày 14/7/1993, Quốc hội thông qua Luật Đất đai mới thay thế Luật Đất đai năm 1987. Sau đó hai năm - năm 1995, Quốc hội ban hành Bộ luật Dân sự đầu tiên dưới chính thể mới. Đây là hai văn bản đề cập khái niệm *quyền sử dụng đất* và đề cao quyền sử dụng đất của hộ gia đình và cá nhân. Trong hai văn bản này, Nhà nước ta chính thức cho phép người có quyền sử dụng đất được *chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, góp vốn và thừa kế quyền sử dụng đất*. Đây là những quy định phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

Nội dung của quyền sử dụng đất (QSDD) được hiểu không chỉ là quyền khai thác các thuộc tính của đất đai phục vụ cho lợi ích của mình mà còn được hiểu ở khía cạnh thứ hai. Đó là quyền chuyển quyền hay còn gọi là quyền định đoạt đối với đất đai. Tuy không phải là chủ sở hữu, nhưng người sử dụng đất có quyền chuyển nhượng QSDD lấy tiền, được đem đất đi thế chấp, được để lại thừa kế QSDD. Các quyền này của người sử dụng đất gần như là quyền của chủ sở hữu.

Tuy nhiên, nếu coi QSDD gần như là quyền sở hữu thì cũng chỉ là quyền sở hữu hạn chế. Tính hạn chế của QSDD thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước giành lấy quyền thu hồi bất kỳ diện tích đất nào khi thấy thật cần thiết và bồi thường theo giá do Nhà nước ấn định.

Thứ hai, Nhà nước mới là người có quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chủ yếu thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thứ ba, Nhà nước nắm quyền quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp và để lại thừa kế quyền sử dụng đất.

Thứ tư, Nhà nước giành lấy quyền định giá đất; thực hiện đánh thuế đối với giao dịch chuyển nhượng QSDD⁹.

⁷ Nghị quyết 10 ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới chính sách đối với nông nghiệp, nông thôn.

⁸ Được Quốc hội thông qua 28/10/1995, có hiệu lực từ ngày 01/7/1996.

⁹ Việc không thừa nhận cho người sử dụng đất có quyền sở hữu đất đai là một trong những nguyên nhân tạo ra sự tụt hậu, không công bằng, không thật công

Ở Tây Nguyên, các quy định về chuyển quyền sử dụng đất đã góp phần tạo ra những đợt giao dịch đất đai rầm rộ. Được pháp luật mở đường, số lượng các giao dịch liên quan đến đất mà trước hết là đất trồng cà phê diễn ra rất sôi nổi. Diễn ra một cuộc phân bổ lại đất đai giữa các chủ sử dụng. Nếu như trước đây, việc phân bổ đất đai chủ yếu bằng con đường hành chính thông qua việc ra quyết định thành lập nông trường, lâm trường, khu kinh tế mới thì từ khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời đã có cả một quá trình phân bổ lại đất đai theo con đường thị trường, thông qua giao dịch ngang giữa các chủ thể với nhau, theo nguyên tắc thuận mua vừa bán.

Đất đai dần dần tích tụ ngày càng nhiều hơn vào trong tay những người biết làm ăn, trong đó chủ yếu là đồng bào người Kinh và phần nào là đồng bào Tày, Nùng. Trong lúc đó, đất đai của đồng bào thiểu số tại chỗ ngày càng ít đi. Có một số hộ có rất ít đất, thậm chí không có đất để canh tác.

7. Luật Đất đai năm 2003 và Bộ luật Dân sự năm 2005

Để bảo đảm sự thống nhất của pháp luật, về nguyên tắc, pháp luật Việt Nam không có quy định riêng về đất đai, về quyền sử dụng đất của đồng bào thiểu số. Vì vậy, đồng bào các dân tộc thiểu số, hộ đồng bào các dân tộc thiểu số có các quyền sử dụng đất như mọi cá nhân, hộ gia đình khác.

Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2003 đã có quy định về một chủ thể sử dụng đất là cộng đồng dân cư sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và các điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ được Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất¹⁰.

Vấn đề đặt ra hiện nay là: Bộ luật Dân sự năm 1995 cũng như Bộ luật Dân sự năm 2005 chưa thừa nhận cộng đồng dân cư là chủ thể của pháp luật dân sự. Thêm vào đó, việc xác nhận người đại diện cho cộng đồng

dân cư để thực hiện các quyền của người sử dụng đất cũng là vấn đề không dễ dàng.

Luật Đất đai năm 2003 và Bộ luật Dân sự năm 2005 tiếp tục mở rộng các quyền cho người sử dụng đất, trong đó có quyền tặng cho quyền sử dụng đất. Luật Đất đai năm 2003 và Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2004¹¹ có các quy định bảo đảm cho các cơ sở tôn giáo có nơi thờ tự.

Để bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có đất ở và đất canh tác Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định 181 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai đã đưa ra quy định về hạn chế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ đồng bào tại chỗ. Cụ thể, khoản 1 Điều 104 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai có quy định: Hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất lần đầu đối với đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất, đất ở được miễn tiền sử dụng đất mà đã chuyển nhượng và không còn đất sản xuất, không còn đất ở, nếu được Nhà nước giao đất lần thứ hai đối với đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất, đất ở được miễn tiền sử dụng đất thì không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày được giao đất lần thứ hai.

Việc pháp luật không cho phép đồng bào dân tộc tại chỗ chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao lần thứ hai và người Kinh cũng như đồng bào các dân tộc khác không được nhận chuyển nhượng đất của đồng bào tại chỗ cùng với sự tuyên truyền tích cực của cán bộ xã, cán bộ buôn làng đã có tác dụng nhất định. Đồng bào các dân tộc tại chỗ không bán đất phổ biến như trước đây nữa và đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc mới đến cũng không mua lại đất của đồng bào tại chỗ nữa. Tuy nhiên, trong những trường hợp cần thiết, bà con vẫn bán đất theo kiểu viết giấy trao tay nhau mà không làm thủ tục theo quy định của pháp luật hoặc cho nhau thuê đất.

khai trong việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

¹⁰ Khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2003.

¹¹ Được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 18/6/2004, có hiệu lực từ ngày 15/11/2004.

Mặt khác, do không còn rừng nên chính quyền ở các địa phương không có điều kiện giao đất rừng (rừng giữ nguồn nước, rừng thiêng, rừng thờ...) cho cộng đồng dân cư buôn làng¹².

8. Chính sách hỗ trợ cho đồng bào thiểu số tại chỗ

Vừa qua, để giải quyết tình trạng hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo không có đất, thiếu đất, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Theo hai quyết định này, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, định cư thường trú tại địa phương; là hộ nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở thì được hỗ trợ:

- *Đối với đất sản xuất:*

Mức giao đất sản xuất tối thiểu một hộ là 0,5 ha đất nương, rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa nước một vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước hai vụ. Căn cứ quỹ đất cụ thể của từng địa phương, khả năng lao động và số nhân khẩu của từng hộ và khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào với mức cao hơn.

- *Đối với đất ở:*

- Theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004, mức giao diện tích đất ở tối thiểu là 200 m² cho mỗi hộ đồng bào sống ở nông thôn. Căn cứ quỹ đất ở và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất ở cho hộ đồng bào với mức cao hơn. Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007

quy định mềm dẻo hơn: Đối với đất ở, căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo với mức phù hợp với điều kiện và tập quán ở địa phương.

- Đất do hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đang sinh sống và sử dụng ổn định từ trước đến nay, hiện thuộc quyền quản lý của các nông trường, lâm trường, thì các nông trường, lâm trường tiến hành bàn giao diện tích đất trên cho chính quyền địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ theo quy định.

- Trường hợp không có đất sản xuất nông nghiệp thì giao đất sản xuất lâm nghiệp, hạn mức giao thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; được hưởng các quyền lợi theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ khi tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên đất được giao quy định tại điểm 1 mục III Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

- Việc thu hồi đất của các nông trường, lâm trường thực hiện theo Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg ngày 15/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và Quyết định số 57/2007/QĐ-TTg ngày 04/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg.

- Trường hợp các địa phương khó khăn về quỹ đất, không có điều kiện giải quyết hỗ trợ đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg thì các địa phương chủ động giải quyết thay thế bằng hỗ trợ chuyển đổi sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

¹² Thí dụ: huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tại một số địa phương, nguồn đất được coi là của chính quyền cấp cho đồng bào (chủ yếu là cho các hộ mới tách) là đất của bố mẹ. Chính quyền đã vận động bố mẹ chia cho con cái từ diện tích đất đang thuộc quyền sử dụng của họ. Sau đó, chính quyền đã hợp thức hoá bằng việc cấp cho các hộ này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất đã được bố mẹ chia cho¹³. Nguồn thứ hai, dùng diện tích rừng còn lại chia cho các hộ gia đình chưa có đất hoặc có quá ít đất. Đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng hầu như không còn rừng ở một số địa phương ở Tây Nguyên¹⁴. Nguồn

thứ ba - đó là diện tích đất thu hồi từ các công ty lâm nghiệp, các nông trường và đơn vị quân đội. Tuy nhiên, việc huy động vốn đất từ loại nguồn thứ ba này là rất khó khăn vì không ít các đơn vị đã chia đất cho người khác, đơn vị khác.

Như vậy, trong việc cấp đất mới cho đồng bào thiểu số tại chỗ một số chính quyền địa phương đã không thành công trong việc vận động đồng bào (ngoài bố mẹ ra) có nhiều đất “nhường cơm sẻ áo” cho người không có đất hoặc có quá ít đất.

¹³ Nếu chính quyền không vận động bố mẹ nhường cho các con thì sau này họ cũng được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của bố mẹ.

¹⁴ Thí dụ: huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

(Tiếp theo trang 60 – Quyền tự do kinh doanh...)

hoạt động kinh doanh chỉ nên thực hiện ở những ngành, lĩnh vực, bộ phận của nền kinh tế mà ở đó cạnh tranh hiệu quả không tồn tại hoặc để bảo vệ và thúc đẩy các giá trị xã hội thì không thể giao phó cho tư nhân. Nhà nước có thể lãnh đạo, điều tiết, kiểm soát nền kinh tế theo cách tạo ra các hành lang, môi trường hay khung hành động. Nói một cách ẩn dụ Nhà nước tạo ra các “dòng sông” với hai bờ là giới hạn của pháp luật. Nhà nước không phải là người cắm lái mà là lực đẩy cho con thuyền và dòng nước chảy theo hai bờ của “dòng sông” đó. Tất nhiên, khoảng

cách hai bờ “dòng sông” phải đủ rộng và lực đẩy phải đủ mạnh để con thuyền và dòng nước trôi nhanh. Đồng thời, trong các “dòng sông” đó phải có các chỉ dẫn cảnh báo về những vị trí nguy hiểm mà các con thuyền cần phải tránh và có các quy định về sự tham gia giao thông cùng với các chế tài nghiêm khắc cho các con thuyền vi phạm³⁵. Về mặt xã hội, cùng với phát triển kinh tế, Nhà nước cần bảo vệ người dân, trong đó có bảo vệ người tiêu dùng, và thực hiện các chính sách bảo hiểm, an sinh xã hội, giảm bớt và hạn chế chênh lệch giàu, nghèo.

³⁵ Về cách thức điều chỉnh đối với các quan hệ kinh tế, xem thêm Đào Trí úc, sách đã dẫn ở trên, trang 465; về các định chế tổ chức, pháp luật về kinh doanh xem trong tài liệu đó, từ tr. 473 đến 477.